

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **867** /UBND-TNMT
V/v báo cáo kết quả thực hiện
tiêu chí môi trường và an toàn
thực phẩm trong xây dựng NTM

Vĩnh Linh, ngày **18** tháng 7 năm 2019

Kính gửi:

- Các phòng: NN&PTNT, KT&HT, TNMT, Y tế;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 2886/UBND-MT ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng NTM; Kế hoạch số 1465/KH-UBND ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh về tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, Công văn số 2296/STNMT-CCBVMT ngày 17/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh về việc báo cáo tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020, UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn, các phòng ban đơn vị thực hiện nội dung như sau:

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo thực hiện chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định; Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch; Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường;

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện báo cáo thực hiện Chỉ tiêu 17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch;

3. Phòng Y tế báo cáo thực hiện Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm;

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo tiêu chí Tiêu chí số 7. Môi trường trong xây dựng huyện NTM trên địa bàn và tổng hợp báo cáo;

5. UBND các xã, thị trấn báo cáo kết quả thực hiện Tiêu chí số 17. Môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng xã NTM.

(Nội dung báo cáo theo đề cương đính kèm theo công văn)

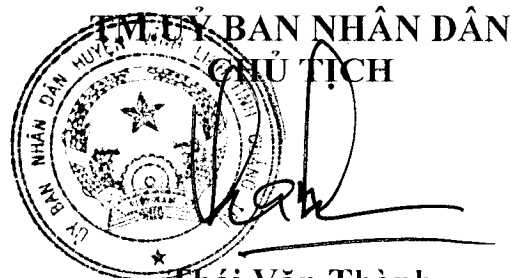
Báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản gửi về UBND huyện (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện) trước ngày **23/7/2019** để kịp thời tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

Vậy, UBND huyện Vĩnh Linh yêu cầu UBND các xã, thị trấn thực hiện nội dung nói trên././

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND,
- TT UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT;
- Lưu: VP-TNMT

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH
CHỦ TỊCH**



Thái Văn Thành

PHỤ LỤC

Báo cáo kết quả triển khai thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng xã, huyện nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020
(Kèm theo Công văn số 867/UBND-TNMT 18 /7/2019 của UBND huyện)

PHẦN 1

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2010-2019

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

II. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN (thông tin tổng hợp từ năm 2010 đến nay)

1. Công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh, huyện đối với các xã trong xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm.

2. Cơ chế, chính sách hiện có (của xã, huyện, tỉnh) hỗ trợ các xã thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm. Trong đó phân thành 02 giai đoạn:

- Giai đoạn I (2011-2015)

- Giai đoạn II (2016-đến tháng 6/2019)

Trong đó tập trung đánh giá và nêu bật kết quả liên quan đến nội dung sau:

+ Ban hành, cụ thể hóa tiêu chí NTM; cơ chế bố trí vốn, cơ chế đặc thù; phát huy sự tham gia của cộng đồng

+ Những vấn đề mới: Mô hình BVMT; NTM kiểu mẫu...

+ Những khó khăn vướng mắc liên quan đến cơ chế, chính sách trong thực hiện tiêu chí.

3. Phân công trách nhiệm, vai trò của Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành có liên quan trong công tác hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện từng nội dung cụ thể của tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm.

4. Công tác thông tin, truyền thông về tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng xã, huyện NTM.

5. Cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa của tỉnh, huyện, xã thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI

1. Đặc thù cơ bản của địa phương (các xã) trong thực hiện tiêu chí môi trường: về kinh tế - xã hội, dân số, trình độ dân trí, tập quán...(thống kê, phân tích theo từng thời điểm 2010, 2015 và 2019)

2. Xuất phát điểm của Tiêu chí môi trường (đánh giá chung) từ giai đoạn 2010, liệt kê cụ thể theo từng chỉ tiêu sau:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh:

+ Nước sạch theo Quy chuẩn Quốc gia là nước đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN: 02:2009/BYT) về chất lượng nước sinh hoạt do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tại Thông tư số 05/2009/TT - BHYT ngày 17/6/2009.

+ Nước hợp vệ sinh là nước sử dụng trực tiếp hoặc sau lọc thỏa mãn yêu cầu chất lượng: không màu, không mùi, không vị lạ, không chứa thành phần gây ảnh

hưởng đến sức khỏe con người, có thể dùng để ăn uống sau khi đun sôi.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường:

+ Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường nếu trong quá trình sản xuất, chế biến có xả nước thải, chất thải rắn, mùi, khói bụi, tiếng ồn nằm trong giới hạn theo quy định;

+ Chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh là chuồng trại đáp ứng các yêu cầu: Nằm cách biệt với nhà ở; chất thải chăn nuôi (phân, nước tiểu) được thu gom xử lý; không xả, chảy tràn trên bề mặt đất; không gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh.

- Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường:

- Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch:

+ Mỗi thôn hoặc liên thôn hoặc xã, liên xã có quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài phù hợp với tập quán của địa phương (trừ nơi có tập quán an táng không ở nghĩa trang);

+ Có Quy chế quản lý nghĩa trang;

+ Việc táng người chết phải được thực hiện phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại.

- Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo qui định:

+ Hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định; có hệ thống tiêu thoát (nước thải, chất thải sinh hoạt) đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm không khí và nguồn nước xung quanh;

+ Mỗi khu dân cư tập trung của thôn, xã phải có hệ thống tiêu thoát nước thải thông thoáng, hợp vệ sinh;

+ Thôn, xã có tổ dịch vụ thu gom rác thải và xử lý tại bãi rác tập trung.

3. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Tiêu chí về môi trường đến năm 2015, thống kê rõ theo từng chỉ tiêu sau:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh:

+ Nước sạch theo Quy chuẩn Quốc gia là nước đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN: 02:2009/BYT) về chất lượng nước sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành tại Thông tư số 05/2009/TT - BYT ngày 17/6/2009.

+ Nước hợp vệ sinh là nước sử dụng trực tiếp hoặc sau lọc thỏa mãn yêu cầu chất lượng: không màu, không mùi, không vị lạ, không chứa thành phần gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, có thể dùng để ăn uống sau khi đun sôi.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường:

+ Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường nếu trong quá trình sản xuất, chế biến có xả nước thải, chất thải rắn, mùi, khói bụi, tiếng ồn nằm trong giới hạn theo quy định;

+ Chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh là chuồng trại đáp ứng các yêu cầu: Nằm cách biệt với nhà ở; chất thải chăn nuôi (phân, nước tiểu) được thu gom xử lý; không xả, chảy tràn trên bề mặt đất; không gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh.

- Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường:

- Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch:

+ Mỗi thôn hoặc liên thôn hoặc xã, liên xã có quy hoạch đất làm nghĩa trang

lâu dài phù hợp với tập quán của địa phương (trừ nơi có tập quán an táng không ở nghĩa trang);

+ Có Quy chế quản lý nghĩa trang;

+ Việc táng người chết phải được thực hiện phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại.

- Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo qui định:

+ Hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định; có hệ thống tiêu thoát (nước thải, chất thải sinh hoạt) đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm không khí và nguồn nước xung quanh;

+ Mỗi khu dân cư tập trung của thôn, xã phải có hệ thống tiêu thoát nước thải thông thoáng, hợp vệ sinh (nêu rõ các hình thức, biện pháp, mô hình thu gom và xử lý nước thải trong sinh hoạt);

+ Thôn, xã có tổ dịch vụ thu gom rác thải và xử lý tại bãi rác tập trung.

4. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm đến 6/2019, thống kê rõ theo từng chỉ tiêu sau:

4.1. *Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm xây dựng xã NTM (Tiêu chí số 17):*

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định:

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh tỷ lệ số hộ dân cư sử dụng nước tự khai thác và các biện pháp lọc nước; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước đóng chai

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường

+ Tỷ lệ cơ sở có hồ sơ về môi trường (liệt kê đầy đủ về: tỷ lệ cơ sở có báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch/cam kết bảo vệ môi trường, báo cáo các biện pháp BVMT)

+ Tỷ lệ cơ sở có công trình xử lý chất thải

+ Tỷ lệ cơ sở có chuyển giao chất thải cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn:

+ Kết quả tổ chức, triển khai thực hiện nội dung đường làng, ngõ xóm xanh sạch đẹp; khu vực công cộng không có hiện tượng xả nước thải, chất thải bừa bãi gây mất mỹ quan.

- Tình hình tổ chức triển khai nội dung các hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ không lầy lội.

(Nêu các mô hình, phong trào tiêu biểu về xây dựng cảnh quan môi trường tại địa phương)

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch, theo quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh: nêu các nội dung, hình thức, phương án, biện pháp, mô hình đã thực hiện.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định

+ Đối với chất thải rắn, nêu rõ:

➤ Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

➤ Tình hình thu gom, xử lý chất thải sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp);

- Tình hình thu gom, xử lý chất thải y tế;
- Tình hình thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

Đối với mỗi loại chất thải nêu rõ: các hình thức, biện pháp, mô hình thu gom và xử lý

+ Về xử lý nước thải

- Tỷ lệ khu dân cư tập trung: có điểm thu gom và xử lý nước thải phù hợp trước khi đổ vào các kênh, mương, sông, suối, ao, hồ.
- Tỷ lệ hộ gia đình có biện pháp xử lý nước thải.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch

+ Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh

+ Tỷ lệ hộ có nhà tắm hợp vệ sinh

+ Tỷ lệ hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường

+ Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi có hồ sơ môi trường

+ Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi thu gom, xử lý chất thải

+ Các hình thức, biện pháp, mô hình thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi.

- Tỷ lệ hộ gia đình cơ sở sản xuất – kinh doanh thực phẩm tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm

+ Thống kê số cơ sở, hộ gia đình sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm

4.2. Tiêu chí môi trường xây dựng huyện NTM (Tiêu chí số 7):

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn

+ Đối với chất thải rắn, nêu rõ:

- Ban hành Kế hoạch, phương án thu gom, xử lý chất thải rắn;
- Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
- Tình hình thu gom, xử lý chất thải sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp);
- Tình hình thu gom, xử lý chất thải y tế;
- Tình hình thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

Đối với mỗi loại chất thải nêu rõ: các hình thức, biện pháp, mô hình thu gom và xử lý

- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường

+ Tỷ lệ cơ sở có hồ sơ về môi trường (liệt kê đầy đủ về: tỷ lệ cơ sở có báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch/cam kết bảo vệ môi trường, báo cáo các biện pháp BVMT)

+ Tỷ lệ cơ sở có công trình xử lý chất thải

+ Tỷ lệ cơ sở có chuyển giao chất thải cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải.

5. Nhận định về sự chuyên biến trong ý thức và sự tham gia của các tổ chức, người dân, cộng đồng; sự vào cuộc của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể... đối với công tác bảo vệ môi trường nông thôn.

6. Các bài học kinh nghiệm thành công và những khó khăn, vướng mắc, bất cập (về cơ chế, chính sách, nguồn lực, phân công trách nhiệm, khoa học kỹ thuật) cần tiếp tục tháo gỡ trong việc thực hiện tiêu chí môi trường trường trong xây dựng

xã NTM.

(Tổng hợp kết quả chung của chỉ tiêu toàn huyện, tỉnh tại Phụ lục 1)

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TRONG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

1. Thông tin chung

Số huyện đạt chuẩn NTM trên địa bàn

2. Thông tin cụ thể

2.1. Yêu cầu của tiêu chí

2.2. Kết quả thực hiện

a. Về hệ thống thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện (có sự so sánh, đánh giá năm 2010, 2015, 6/2019)

b. Kết quả thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường của các cơ sở (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi) (có sự so sánh, đánh giá năm 2010, 2015, 6/2019).

3. Các bài học kinh nghiệm thành công và những khó khăn, vướng mắc, bất cập (về cơ chế, chính sách, nguồn lực, phân công trách nhiệm, khoa học kỹ thuật) cần tiếp tục tháo gỡ trong việc thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng huyện NTM.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những nội dung đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (*phân tích rõ nguyên nhân: khách quan, chủ quan của những tồn tại, hạn chế*).

VI. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Bài học kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện và đề xuất kiến nghị cần thiết để duy trì và nâng cao kết quả đạt được của chương trình.

PHẦN THỨ HAI

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC TRỌNG NĂM 2020

I. Dự kiến mục tiêu phân đầu năm 2020

II. Một số nội dung và giải pháp trọng tâm cần tập trung thực hiện

PHẦN THỨ BA

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SAU NĂM 2020

I. QUAN ĐIỂM

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

2. Mục tiêu cụ thể:

a. Giai đoạn 2021-2025:

b. Giai đoạn 2025-2030:

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN SAU 2020

1. Nhiệm vụ trọng tâm

2. Giải pháp cụ thể

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

PHẦN THỨ TƯ

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra tình hình

thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm;

- Vai trò của các Bộ, ngành Trung ương và các cơ quan tham mưu tại địa phương trong chỉ đạo thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm;

- Cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm;

- Phương án, cách thức, mô hình, giải pháp tăng cường hiệu quả thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong giai đoạn sau 2020.

Phụ lục 1

CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG, NGÀNH BAN HÀNH HOẶC ĐỀ XUẤT BAN HÀNH

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ba hành, trích yếu văn bản	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Kết quả thực hiện	Ghi chú

Phụ lục 2. Kết quả thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm xã NTM

TT	Nội dung	Tổng số xã trên địa bàn	Số xã đạt tiêu chí môi trường/Tổng số xã đạt chuẩn NTM		
			Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 3/2019
A	Thông tin chung				
	Huyện A				
	Huyện B				
	Huyện C				
				
B	Thông tin cụ thể				
I	Chỉ tiêu 17.1 về Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn quốc gia	Tổng số hộ	Số hộ dùng nước hợp sạch/Tổng số hộ		
			Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019
1	Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh				
2	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch tập trung				
II	Chỉ tiêu 17.2 Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Tổng số cơ sở	Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		
			Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019

TT	Nội dung	Tổng số xã trên địa bàn	Số xã đạt tiêu chí môi trường/Tổng số xã đạt chuẩn NTM		
			Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 3/2019
1	Số cơ sở có ĐTM hoặc đề án bảo vệ môi trường				
2	Số hộ cơ sở có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc cam kết BVMT				
3	Số hộ có biện pháp xử lý chất thải				
III	<i>Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn</i>		<i>Đến 12/2010</i>	<i>Đến 12/2015</i>	<i>Đến 6/2019</i>
1	Tỷ lệ đường hoa, cây xanh trên địa bàn				
VI	<i>Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch, theo quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>	<i>Tổng số xã</i>	<i>Đến 12/2010</i>	<i>Đến 12/2015</i>	<i>Đến 6/2019</i>
1	Tỷ lệ xã có quy hoạch đất làm nghĩa trang				
2	Tỷ lệ xã có Quy chế quản lý nghĩa trang				
V	<i>Chỉ tiêu 17.5 Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định</i>		<i>Đến 12/2010</i>	<i>Đến 12/2015</i>	<i>Đến 6/2019</i>
1	<i>Đối với quản lý chất thải rắn</i>				
a	Tổng lượng phát sinh				
b	Tỷ lệ thu gom				
c	Tỷ lệ phân loại				
d	Biện pháp xử lý: - Chôn lấp; - Đốt; - Hình thức khác (*)				
2	<i>Đối với nước thải</i>				
a	Tỷ lệ khu dân cư có hệ thống thoát nước				

TT	Nội dung	Tổng số xã trên địa bàn	Số xã đạt tiêu chí môi trường/Tổng số xã đạt chuẩn NTM		
			Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 3/2019
b	Tỷ lệ hộ gia đình có biện pháp xử lý nước thải				
VI	Chỉ tiêu 17.6 Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Tổng số hộ	Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019
1	Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh				
2	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh				
3	Số hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh				
VII	Chỉ tiêu 17.8 tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Tổng số hộ chăn nuôi (hộ gia đình, trang trại)	Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019
1	Số cơ sở chăn nuôi có hồ sơ môi trường				
2	Số cơ sở chăn nuôi thu gom, xử lý chất thải				
VIII	Chỉ tiêu 17.8 tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	Tổng số hộ chăn nuôi (hộ gia đình, cơ sở)	Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019
	Số hộ, cơ sở đảm bảo về ATTP				

(*) Nêu tỷ lệ theo các hình thức xử lý